TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG TÈ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 25 / 9 / 2017
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Ngọc Sáng
2. Ông Giàng A Lình

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.
Đại kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên toà: Ông Lê Trọng Bính - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số12/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2017.Về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2017 và Thông báo mở phiên tòa số 07/2017/ TB-TA ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị S - Sinh năm 1993
Nơi cư trú: Bản G, xã M, huyện M, tỉnh L.
Nghề nghiệp: Giáo viên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lù Thế P - Sinh năm 1989
Nơi cư trú: Bản G, xã M, huyện M, tỉnh L. Nghề nghiệp: Làm ruộng.Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16 tháng 1 năm 2017 và tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, nguyên đơn chị Lý Thị S trình bày: Chị kết hôn với anh Lù Thế P, đăng ký kết hôn từ ngày 28 tháng 2 năm 2013 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh L, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, từ khi kết hôn anh chị chung sống với nhau ở bản G, xã M, huyện M, tỉnh L tại gia đình nhà bố mẹ chồng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian ngần đây anh chị sảy ra mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân tác động đến

một phần do công việc chị S phải đi dậy học ở xa nhà với tính chất công việc là giáo viên Mầm non bận rộn đi sớm về muộn nhưng anh P không hiểu và thông cảm, mỗi khi về muộn anh P lại tìm cớ để gây sự. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống, tính tình không hợp. Mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không đạt được như ý muốn. Anh chị đã ly thân từ tháng 8/2016 hai vợ chồng ít đoái hoài, quan tâm với nhau, nay vợ chồng không còn tình với nhau nữa và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nên chị S xin được xem xét giải quyết ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị S xin được ly hôn với anh Lù Thế P.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lù Thị Bảo C, sinh ngày 16/3/2013, cư trú tại bản G, xã M, huyện M, tỉnh L hiện cháu đang ở với cùng với chị S, chị xin được nuôi con đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi, không yêu cầu anh Lù Thế P cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Trong thời gian chung sống chị Lý Thị S và anh Lù Thế P không có tài sản chung gì, không vay mượn gì của ai, nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Tại bản tự khai, anh Lù Thế P khai ngày 14/6/2017 hai vợ chồng kết hôn với nhau làm thủ tục đăng ký kết hôn tại xã M, huyện M, tỉnh Lai C từ ngày 28/ 2/2013, do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Thời gian đầu sống hạnh phúc, do sự hiểu lầm nhau nên cô Lý Thị S đã tự ý bỏ về bên ngoại, thực tế anh P chưa đánh đập gì cả, anh P và gia đình anh P đã khuyên giải mong vợ trở về gia đình bên nhà chồng, nhưng cô S không về. Anh P vẫn yêu thương vợ con xin được đoàn tụ gia đình. Do không muốn bỏ vợ nên từ khi ly thân đến nay, khi giải quyết ở Tòa án anh P không chấp nhận ly hôn với chị S.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Lù Thị Bảo C sinh ngày 16/3/2013, nếu ly hôn nhất trí để chị S nuôi dưỡng, chăm sóc, về tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị S không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có gì; Về công nợ: không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của kiểm sát viên:

Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn chị Lý Thị S và bị đơn anh Lù Thế P, từ khi thụ lý vụ án và tiến hành các bước về thủ tục tố tụng Tòa đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng Điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/ 2016/ NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Lý Thị S được ly hôn anh Lù Thế P. Về con chung: Giao cháu Lù Thị Bảo C, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2013 cho chị Lý Thị S chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi. Chị S không

yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Anh P được quyền thăm con. Về tài sản chung và công nợ: Không có gì, nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị S và anh P quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh L đây là hôn nhân hợp pháp. Hai bên không hợp nhau do quan điểm của mỗi người một ý không đồng nhất, dẫn đến cuộc sống ly thân, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc không đạt được. Nên chị S đã làm đơn xin ly hôn.

Đối với anh Lù Thế P mong muốn được đoàn tụ gia đình, vì vẫn còn tình cảm với chị S. Nên anh P nhiều lần bảo chị S quay về nhà chồng sinh sống, nhưng chị S không thể quay về đoàn tụ gia đình.

Tháng 8/ 2016 chị S và anh P đã ly thân đến nay được một năm nay, thực tế hai anh chị không đoái hoài quan tâm nhau, cùng xây dựng hạnh phúc, mỗi người một quan điểm sống, tình trạng hôn nhân hai vợ chồng không thể gặp nhau để trao đổi và bàn bạc thống nhất với nhau về các vấn đề mặt tình cảm, con chung và cách nuôi dậy con, chăm sóc con cái.

Trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, anh P luôn vắng mặt không có lý do, hơn nữa không chịu hợp tác khi UBND xã M về việc giao tống đạt: Giấy triệu tập, Thông báo tiếp cận chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Tòa án thông báo hợp lệ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án, anh P vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do, như vậy bị đơn tự bỏ quyền tham gia phiên tòa với lý do không muốn bỏ vợ. Cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét yêu cầu của chị Lý Thị S, tại phiên tòa hôm nay chị S vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh Lù Thế Pvới lý do không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị S là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật theo khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị S và anh P có 01 con chung, cháu Lù Thị Bảo C, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2013, hiện cháu Lù Thị Bảo C đang ở với mẹ, Chị S có nguyện vong xin được nuôi dưỡng con chung đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị Lý Thị S về việc xin được nuôi dưỡng con chung, hiện nay chị S là giáo viên có công việc ổn định và có thu nhập đảm bảo hơn, tại bản tự

khai của anh P nhất trí giao con cho mẹ nuôi dưỡng. Hiện nay cháu đang ở với mẹ, từ khi anh chị ly thân 01 năm nay chị Siếng vẫn chu đáo chăm sóc con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị S phù hợp, căn cứ theo Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: không có gì, không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Công nợ không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí HNGD- ST theo quy đinh pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2017 về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị S được ly hôn với anh Lù Thế P.

2. Về Con chung: Xử giao cháu Lù Thị Bảo C, sinh ngày 16/3/2013 giao cho mẹ Lý Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi. Chị S không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Lù Thế P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: không có gì, nên không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Công nợ không có gì, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lý Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/ 2010/0000298, ngày 28/2/2017 của Chi cục thi hành án huyện Mường Tè, chị Lý Thị S đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- *Toà án tỉnhLai Châu;*
- *VKSND huyệnM*
- *Thi hành án dân H M*
- *UBND xã M*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lò Thị Chiến